

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU – TỈNH NGHỆ AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Đóa và bà Đỗ Thị Hằng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 182/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tây T, sinh năm 1996. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1993. Vắng mặt

Địa chỉ: Xóm D, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Tây T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2015 tại UBND xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Việc kết hôn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần dần hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Tháng 7/2017 mối quan hệ vợ chồng trở nên trầm trọng, mâu thuẫn không thể hòa giải được, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Tháng 4/2019 vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lê An N, sinh ngày 18/7/2015 và Lê Anh T1, sinh ngày 05/8/2017. Hiện nay cả hai con chung đang ở với chị T. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Các quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Lê Văn H nhưng anh H vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/8/2024 anh Lê Thanh T2 trình bày:

Anh là cậu ruột của anh Lê Văn H. Anh không biết địa chỉ hiện nay của anh H, anh H đi làm xa không thường xuyên có mặt tại địa phương. Anh H có cùng nơi cư trú tại địa phương với mẹ anh là bà Nguyễn Thị H1, bà H1 ở cùng nơi cư trú với vợ chồng anh, vợ chồng anh mới tách hộ khẩu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn H, anh là người trực tiếp nhận các văn bản trên, anh đã thông báo cho anh H được biết. Anh không biết ý kiến của anh H về việc ly hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H không sinh sống tại địa phương nên anh cũng không biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh H như thế nào.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q cho biết: Chị Bùi Thị Tây T và anh Lê Văn H không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Quá trình chung sống, anh H và chị T có 02 con chung là Lê An N, sinh ngày 18/7/2015 và Lê Anh T1, sinh ngày 05/8/2017. Giữa anh H và chị T có mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết vì không ai yêu cầu hòa giải cơ sở. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H, đề nghị giải quyết về con chung địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu Lê An N có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại tất cả các phiên làm việc theo Giấy triệu tập của Tòa án là thực hiện không đảm bảo quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật HNGĐ năm 2014; Điều 147 BLTTDS năm 2015; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

Về tình cảm: Cho chị Bùi Thị Tây T được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Giao cháu Lê An N, sinh ngày 18/7/2015 và cháu Lê Anh T1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về án phí: Chị Bùi Thị Tây T phải chịu án phí ly hôn 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị Tây T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Văn H, có nguyện vọng nuôi con chung, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Anh H có nơi thường trú tại Xóm D, xã Q huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị Tây T và anh Lê Văn H là hợp pháp, tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng chung sống không hòa hợp. Chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án về yêu cầu ly hôn của chị T. Do đó cần áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị Bùi Thị Tây T được ly hôn với anh Lê Văn H.

[2.2] Xét nguyện vọng được nuôi con của chị T là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với con chung. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, chị T là người trực tiếp nuôi con chung, có nhiều thời gian dành cho con. Chị T nuôi con vẫn đảm bảo các điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cho con chung phát triển toàn diện, cháu Lê Anh N1 có nguyện vọng ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận nguyện vọng về con của chị T. Giao con chung Lê An N, sinh ngày 18/7/2015 và Lê Anh T1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng

Chị T không yêu cầu anh H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[2.3] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tây T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị Tây T được ly hôn anh Lê Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Lê An N, sinh ngày 18/7/2015 và Lê Anh T1, sinh ngày 05/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T không yêu cầu.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị Bùi Thị Tây T và anh Lê Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Tây T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo biên lai số 0005648 ngày 03/7/2024.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Bùi Thị Tây T, bị đơn anh Lê Văn H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Đa Lộc;
- Dương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ